

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Thông tin - Thư viện; Chuyên ngành: Thông tin - Thư viện

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Văn Hùng

2. Ngày tháng năm sinh: 01/04/1976; Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam ;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hoa Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 1106, Nhà CT2B, Đô thị Văn Quán, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1106, Nhà CT2B, Đô thị Văn Quán, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0967101977; E-mail: dvhung@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể)
19/1999 - 12/2001	Chuyên viên quản trị cơ sở dữ liệu, Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội
01/2002 - 04/2004	Chuyên gia tư vấn tự động hóa thư viện, Công ty máy tính truyền thông CMC

05/2004 - 06/2009	Giảng viên, Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
7/2009 -12/2013	Học tiến sĩ tại New Zeland
01/2014-10/2015	Phó Trưởng Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
10/2015 đến nay	Trưởng Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
7/2019 – 10/2022	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Ứng dụng Công nghệ thông tin, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa.....; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38583903

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 1999; số văn bằng: 129027; ngành: Thông tin - Thư viện; chuyên ngành: Thông tin – Thư viện; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 4 năm 2006; số văn bằng: 06.28; ngành: Thư viện học; chuyên ngành: Thư viện học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 6 năm 2015; số văn bằng:; ngành: Quản trị Thông tin - Thư viện; chuyên ngành: Quản trị Thông tin – Thư viện; Nơi cấp bằng TS: Trường Victoria of Wellington, New Zealand.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tự động hóa thư viện và Thư viện số
- Tài nguyên giáo dục mở và liên thông chia sẻ tài nguyên thông tin
- Năng lực thông tin và năng lực số

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 đề tài cấp cơ sở, 1 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 3 đề tài/chương trình nghiên cứu do các tổ chức quốc tế tài trợ;
- Đã công bố 41 bài báo khoa học đăng trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học có phản biện, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín: NXB ĐHQGHN (ĐHQGHN thuộc nhóm 801-1000 các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Cấp quyết định	Hình thức	Số QĐ	Ngày QĐ	Lý do
1	Hiệp hội Các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	Huy hiệu	094/GCN	22/9/2022	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục đại học, cao đẳng Việt Nam
2	Đại học quốc gia Hà Nội	Bằng khen	3245/QĐ-ĐHQGN	30/10/2020	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch COVID-19
3	Đại học Quốc gia Hà Nội	Danh hiệu	3363/QĐ-ĐHQGHN	5/10/2022	Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN năm học 2021-2022
4	Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội	Giấy khen	71/QĐ-KTCD	25/7/2019	Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn
5	BCH Đảng bộ trường ĐH KHXH&NV	Giấy khen	913-QĐ/ĐU	31/1/2023	Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023

6	Trường Đại học KHXH&NV	Danh hiệu	2101/QĐ-XHNV-TC	13/10/2021	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021
7	Trường Đại học KHXH&NV	Danh hiệu	1869/QĐ-XHNV-TC	9/10/2020	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020
8	Trường Đại học KHXH&NV	Danh hiệu	3968/QĐ-XHNV-TC	16/10/2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2018-2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của giảng viên đại học về năng lực và phẩm chất. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của nhà giáo theo sự phân công của Khoa, Nhà trường và Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			1	2	150	30	180/323/202.5
2	2018-2019				2	150	30	180/274/202.5
3	2019-2020			1	2	252	30	282/464.4/162
03 năm học cuối								
4	2020-2021				2	195	60	255/372.5/189
5	2021-2022			1	1	247.5	75	322.5/469.1/189
6	2022-2023				4	195	105	300/437.3/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại Đại học Victoria of Wellington, New Zealand, 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Viết và bảo vệ luận án tiếng sĩ bằng tiếng Anh tại New Zealand

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Nga		x	x		2017-2018	Trường ĐHKHXH &NV, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 1545/QĐ-XHNV ngày 01/6/2018
2	Trần Anh Phương		x	x		2019-2020	Trường ĐHKHXH &NV, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 700/QĐ-XHNV ngày 02/4/2021
3	Nguyễn Thị Bích Thuận		x	x		2021-2022	Trường ĐHKHXH	Quyết định công nhận học vị và

							&NV, ĐHQGHN	cấp bằng số 1155/QĐ- XHNV ngày 17/4/2023
--	--	--	--	--	--	--	----------------	--

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Tài nguyên giáo dục mở: Hợp tác phát triển và chia sẻ tài nguyên thông tin	Sách chuyên khảo	ĐHQGHN	1	Chủ biên		Văn bản xác nhận sử dụng sách trong đào tạo số 2070/XHNV-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023
2	Quản trị dự án thông tin - thư viện	Giáo trình	ĐHQGHN	1	Chủ biên		Văn bản xác nhận sử dụng sách trong đào tạo số 2070/XHNV-ĐT ngày 14 tháng 6 năm 2023
3	Năng lực số	Sách chuyên khảo	ĐHQGHN	8	Chủ biên	19-66	Văn bản xác nhận sử dụng sách trong đào tạo số 2006/XHNV-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023
4	Khung năng lực số dành cho sinh viên	Sách tham khảo	ĐHQGHN	10	Chủ biên	1-76	Văn bản xác nhận sử dụng sách trong đào tạo số 2006/XHNV-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023
5	Cẩm nang phát triển năng lực số cho sinh viên	Sách hướng dẫn	ĐHQGHN	7	Chủ biên	101-116 139-186	Văn bản xác nhận sử dụng sách trong đào tạo số 2006/XHNV-ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: sách giáo trình, sách chuyên khảo số 1, 2 và 3 bởi Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội - (ĐHQGHN thuộc nhóm 801-1000 các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022);

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I-	Trước khi được công nhận TS				
1	ĐT: Biên mục hiện đại Việt Nam: nghiên cứu và pháp triển	CN	KHXHNV, T.05.15, 2005	2005-2006	2006, Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
2	ĐT: Xây dựng mô hình hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện đại học Việt Nam để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.	CN	QG.15.49	2015-2022	2022, Tốt
3	CT: Promote Open Educational Resources for higher Education in Vietnam (Thúc đẩy tài nguyên giáo dục mở cho giáo dục đại học Việt Nam)	CN	UNESCO, KHXHNV	2016-2017	2017, xuất bản sách chuyên khảo
4	CT: Digital literacy for university of social sciences and humanities' students for the 21st century	PCN	Meta, KHXHNV	2020-2022	2022, xuất bản sách chuyên khảo

	(Năng lực số cho sinh viên Trường ĐHKHXH&NV trong thế kỷ 21)				
5	CT: Enhancing information literacy for first year students at University of Social Sciences and Humanities (Nâng cao năng lực số cho sinh viên năm thứ nhất Trường ĐHKHXH&NV)	PCN	Đại sứ quán Úc, KHXHNV	2015	2015, học phần Năng lực thông tin được đưa vào giảng dạy cho sinh viên toàn trường

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Bài báo trước khi bảo vệ luận án TS (2015)								
A Bài quốc tế								
1.	A Contextual Model for the Development of Digital Library Education	3	X		Bulletin of IEEE Technical Committee on Digital Libraries, ISSN 1937-7266		Volume 6 Issue 2 Fall 2010	2010
B Bài trong nước								
2.	Đánh giá website thư viện và triết lý lấy bạn đọc làm trung tâm	2	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 6, Tr. 6-10	2014
3.	Thư viện số và cán bộ thư viện số	1	X	Tạp chí Thông tin –			4, tr. 3-11	2014

				Tư liệu, ISSN: 1859-2929				
4.	Thư viện đại học trước xu thế sử dụng thiết bị di động trong học tập của sinh viên	2	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 5 (49), tr. 29-34,	2014
5.	Xây dựng mô hình hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện đại học Việt Nam để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Hoạt động TTTV với vấn đề đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học Việt Nam”, Nxb ĐHQGHN, ISBN: 978-604-621-588-2			Tr. 106-118	2014
6.	Đào tạo nguồn nhân lực thư viện số cho các thư viện đại học Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Hoạt động TTTV với vấn đề đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học Việt Nam”, Nxb ĐHQGHN, ISBN: 978-604-621-588-2			Tr. 206-219	2014
7.	Quản trị nguồn học liệu số tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	4	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Hoạt động TTTV với vấn đề đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học Việt Nam”, Nxb ĐHQGHN,			Tr. 494-511	2014

				ISBN: 978-604-621-588-2				
8.	Thư viện số và định hướng xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực thông tin và thư viện ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khảo học: “Một chặng đường đào tạo và nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện”, ISBN: 978-60462-0600-2, 2011, tr.235-249			Tr.235-249	2011
9.	Xây dựng mục lục liên hợp trực tuyến cho hệ thống thư viện công cộng	1	X	Tạp chí thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 1, tr. 4-9	2008
10.	Dịch vụ mượn liên thư viện	1	X	Tạp chí thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 3, trang 3-8	2007
11.	Kiến thức thông tin với công tác đào tạo nhân lực ngành Thông tin – Thư viện tại Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo khảo học: Ngành Thông tin – Thư viện trong Xã hội thông tin. NXB ĐHQGHN			Tr. 115-119	2006
12.	Hiện đại hóa ngành Thông tin – Thư viện Việt Nam cần đi vào thực chất hơn	1	X	Kỷ yếu hội thảo khảo học: Ngành Thông tin - Thư viện trong Xã hội thông tin, NXB ĐHQGHN			Tr. 275-280	2006
II Bài báo sau khi có bằng TS								
A Bài quốc tế								
13.	Contextual Factors Affecting the Cooperation of Vietnamese Academic Libraries	3	X		Libri - International Journal of Libraries and		Vol 72, No.4, pp.	2022

	in Information Resource Sharing				Information Studies, Q2, H-index 27, IF 0.90		365-378	
14.	Discovering the contextual factors for digital library education in Vietnam	3	X		Global Knowledge, Memory and Communication, H-index 33, Q2, IF 1.65		Vol. 68 Issue: 1/2, pp.125-147	2019
B Bài trong nước								
15.	Phát triển năng lực thông tin cho người cao tuổi trong bối cảnh thông tin số	4	X		Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929		Số 3, Tr.11-18	2023
16.	Phát triển thư viện số dựa trên khoa học kiến trúc thông tin	2	X		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Xây dựng trung tâm tri thức số và mô hình thư viện đại học thông minh”, ISBN: 978-604-923-722-5		Tr.199-215	2023
17.	Đánh giá năng lực số sinh viên: phương pháp tiếp cận, tiêu chí và công cụ đánh giá	2			Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929		số 1/2023, tr. 3-12	2023
18.	Năng lực số dành cho giảng dạy và học tập trực tuyến	2	X		Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929		Số 2/2022, tr.3-11	2022
19.	Digital Skills for Training, Teaching and Learning	1	X		International Conference: “Vietnam as a Digital Society - Country report”, ISBN: 978-		pp. 65-74	2021

				604-341-478-3				
20.	Khảo sát thực trạng ứng dụng phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực thông tin và thư viện tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, ISSN: 2354-1172			Tập 7, số 5b. tr.761-776	2021
21.	Ứng dụng mã QR để nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện tại Thư viện Trường Đại học Thăng Long	2		Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, ISSN: 2354-1172			Tập 7, số 5b. tr.798-811	2021
22.	Khung năng lực số cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số	2		Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			số 1/2021, tr.2-21	2021
23.	Giấy phép mở - nền tảng cho việc chia sẻ tài nguyên thông tin số và truy cập mở tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			số 5/2020, tr.3-16	2020
24.	Tạo lập bảng tra thuật ngữ trong các tác phẩm phi hư cấu: thực trạng và các yếu tố tác động	2	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			số 1/2020, tr.3-11	2020
25.	Nhân văn số và vai trò của thư viện trong hỗ trợ cộng đồng học thuật số	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Chuyển đổi số trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ”, ISBN: 978-604-978-371-5			Trang 50-65.	2019
26.	Đề xuất chính sách và tổ chức thực hiện phát triển tài nguyên giáo dục mở cho giáo dục đại học Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở”, ISBN: 978-			Trang 256-274	2019

				604-9864-69-8				
27.	Báo cáo khảo sát tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học Việt Nam	7	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Xây dựng và khai thác tài nguyên giáo dục mở”, ISBN: 978-604-9864-69-8			Trang 469-500	2019
28.	Cách mạng công nghiệp 4.0 và thách thức đối với thư viện Việt Nam	1	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 4 (78), Trang 3-12	2019
29.	Chương trình đào tạo cử nhân ngành thông tin thư viện tại Việt Nam: Nghiên cứu đối sánh với hướng dẫn của IFLA	1	X	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, ISSN: 2354-1172			Số 5 (3), 370-382	2019
30.	Khung năng lực cốt lõi dành cho cán bộ thư viện Việt Nam trong thế kỷ 21	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 1/2019, tr.3-12	2019
31.	Nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên trong kỷ nguyên số	3	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 3/2018, tr.9-20	2018
32.	Vai trò của thư viện trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc	4	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 4 (66), tr. 3-12	2017
33.	Chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học: nhận diện các yếu tố tác động và đề	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 1-2017, tr.4-14	2017

	xuất mô hình hợp tác.							
34.	Hợp tác chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện đại học trong kỷ nguyên số	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Xây dựng và phát triển thư viện số Việt Nam, quá khứ - hiện tại – tương lai”, ISBN: 978-604-62-6801-7			Tr. 194-220	2017
35.	Quản trị thông tin và đào tạo chuyên gia thông tin trong thế kỷ 21	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 2, tr. 18-29	2016
36.	Tài nguyên giáo dục mở và nhận diện các yếu tố tác động đến việc phát triển tài nguyên giáo dục mở tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 4(64), tr. 25-34	2016
37.	Quản trị thông tin và chuyên gia thông tin trong nền kinh tế tri thức	1	X	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, ISSN: 2354-1172			Số 1(2), tr. 174-185.	2015
38.	Vai trò của thư viện số trong môi trường học tập trực tuyến và chia sẻ học liệu	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 6, tr. 3-11	2015
39.	Web scale discovery – giải pháp tìm kiếm và khai thác thông tin cho các thư viện trong kỷ nguyên internet	1	X	Tạp chí Thông tin – Tư liệu, ISSN: 1859-2929			Số 3, tr. 5-24.	2015
40.	Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học	1	X	Kỷ yếu hội thảo Khoa học: “Xây dựng nền tảng học liệu mở			Tr. 80-106	2015

	liệu mở trong các trường đại học Việt Nam			cho giáo dục đại học Việt Nam: đề xuất chính sách, tạo lập cộng đồng và phát triển giải pháp công nghệ”, Nxb ĐHQGHN, ISBN: 978-604-62-4264-2				
41.	Hợp tác chia sẻ học liệu – giải pháp tăng cường nguồn lực thông tin cho thư viện đại học Việt Nam	1	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam, ISSN: 1859-1450			Số 3(53), tr. 3-9	2015

- Trong đó: Số lượng 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau được cấp bằng TS:

- Do Van Hung, Daniel G. Dorner, Philip Calvert, (2022) “Contextual Factors Affecting the Cooperation of Vietnamese Academic Libraries in Information Resource Sharing”, *Libri - International Journal of Libraries and Information Studies*: <https://doi.org/10.1515/libri-2022-0009>. Tác giả thứ nhất – Scopus, Q2
- Do Van Hung, Daniel G. Dorner, Philip Calvert, (2019) "Discovering the contextual factors for digital library education in Vietnam", *Global Knowledge, Memory and Communication*, Vol. 68 Issue: 1/2, pp.125-147, <https://doi.org/10.1108/GKMC-08-2018-0071>. Tác giả thứ nhất – Scopus, Q2

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Thông tin – Thư viện, Quản lý thông tin hệ chuẩn và hệ CLC năm 2019	Chủ trì	Hợp đồng số 3324/XHNV ngày 29 tháng 8 năm 2019 điều chỉnh chương trình đào tạo chuẩn và chất lượng cao trình độ đại học ngành quản lý thông tin; điều chỉnh chương trình đào tạo đại học ngành Thông tin – Thư viện	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quyết định số 4433/QĐ-XHNV ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Thông tin – Thư viện, ngành Quản lý thông tin hệ chuẩn, ngành Quản lý thông tin hệ CLC.	
2	CTĐT đại học ngành Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện năm 2018	Trưởng Ban	Quyết định số 1262/QĐ-XHNV ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	- Quyết định số 2784/QĐ-XHNV ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội	

			<p>và Nhân văn về việc thành lập Ban điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chuẩn ngành Quản lý thông tin, ngành Thông tin – Thư viện</p>		<p>và Nhân văn về việc ban hành chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Quản lý thông tin</p> <p>- Quyết định số 2785/QĐ-XHNV ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Thông tin – Thư viện</p>
3	<p>CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện năm 2018</p>	<p>Tổ trưởng</p>	<p>Quyết định số 977/QĐ-XHNV ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc thành lập nhóm chuyên gia điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện</p>	<p>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn</p>	<p>Quyết định số 2888/QĐ-XHNV-ĐT ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ</p>
4	<p>CTĐT Quản lý thông tin hệ CLC theo TT23</p>	<p>Phó trưởng ban</p>	<p>Quyết định số 2319/QĐ-XHNV ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo đại học hệ chuẩn</p>	<p>Đại học Quốc gia Hà Nội</p>	<p>Quyết định số 960/QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc phê duyệt Đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thu học phí theo chi phí đào tạo và đảm bảo chất lượng ngành Quản lý thông tin của Trường</p>

			ngành Quản trị thông tin		Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT)
5	CTĐT thạc sĩ Khoa học Thông tin – Thư viện năm 2015	Thành viên	Quyết định số 777/QĐ-XHNV-SDH ngày 03 tháng 04 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc thành lập nhóm chuyên gia điều chỉnh, chuyển đổi, bổ sung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Khoa Thông tin – Thư viện	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 3889/QĐ-ĐHQGHN ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Đỗ Văn Hùng (2021). Tài nguyên giáo dục mở: Hợp tác phát triển và chia sẻ tài nguyên thông tin. ĐHQGHN, ISBN: 978-604-324-394-9 – Sách chuyên khảo viết độc lập. Nhà xuất bản ĐHQGHN (ĐHQGHN thuộc nhóm 801-1000 các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022);

Ghi chú: đây là kết quả của hướng nghiên cứu tôi đã triển khai từ năm 2015, trong đó đã triển khai 1 đề tài cấp Đại học Quốc gia, 1 chương trình nghiên cứu, tổ chức 4 hội thảo (2015, 2016, 2017 và 2019), xuất bản 2 kỷ yếu có chỉ số ISBN.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đỗ Văn Hùng